

AN NINH TRONG THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Nguyễn Thường Lạng*

Vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đang ngày càng có xu hướng tăng lên và ảnh hưởng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam ngày càng lớn. Có thể nói khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang là động lực to lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế và không thể bỏ qua ảnh hưởng của khu vực này đối với an ninh kinh tế và tài chính của Việt Nam. An ninh trong khu vực này có ảnh hưởng lớn đến phúc lợi quốc gia và an ninh của dân cư. Đây là một vấn đề phức tạp, do đó cần có sự phân tích, luận giải mối quan hệ giữa vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài với vấn đề xây dựng hệ thống an ninh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Quan niệm về an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài

Theo từ điển tiếng Anh kinh doanh (longman), an ninh (security) là một thuật ngữ được sử dụng tùy thuộc vào góc độ xem xét. *Thứ nhất*, dưới góc độ cá nhân

hoặc con người, an ninh là trạng thái không bị đe dọa mất việc làm mà không có lý do chính đáng hoặc không được bồi hoàn. Đây là khái niệm được sử dụng để chỉ an ninh về việc làm và gắn với chế độ an sinh xã hội. *Thứ hai*, dưới góc độ pháp lý, theo luật pháp Anh, an ninh là quyền chiếm hữu của một chủ sở hữu trong việc tiếp tục sử dụng hoặc sinh sống trên một tài sản được thuê sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc sau khi nhận được thông báo của chủ tài sản buộc người đi thuê phải rời khỏi nơi được thuê như hoạt động thuê ngắn hạn, thuê tài sản, đất và các công trình nông nghiệp, và các cơ sở kinh doanh. *Thứ ba*, dưới góc độ tài chính-ngân hàng, thuật ngữ an ninh (security) được hiểu là một loại tài sản có giá trị mà người cho vay giao cho người đi vay để thực hiện ý định trả nợ như chúng chỉ sở hữu nhà ở, trái phiếu chính phủ và trái phiếu thương mại, các khoản nợ, cổ phiếu và cổ phần, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, giấy chứng nhận sở hữu hàng hoá, hoặc sự bảo đảm của bên thứ ba. Nếu khoản nợ không được hoàn trả, người cho vay có

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân

quyền thu hồi nợ, các khoản lãi suất đến hạn và các khoản phí khác bằng cách bán chứng khoán để lấy tiền. Theo A. Maslow người đưa ra thuyết nhu cầu của con người, an ninh là một nhu cầu cao hơn nhu cầu cơ bản của con người¹. Đây cũng là nhu cầu gần như tự nhiên của con người.

An ninh được xem xét từ nhiều góc độ. Ở góc độ chủ thể, an ninh gồm có an ninh con người, an ninh cộng đồng, an ninh doanh nghiệp, an ninh quốc gia, an ninh khu vực và an ninh toàn cầu. Mỗi một loại chủ thể có quan niệm khác nhau về an ninh và cơ chế bảo đảm.

Ở góc độ lĩnh vực có an ninh quân sự, an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, an ninh môi trường, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh sức khoẻ...

Về an ninh kinh tế, Văn kiện Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ "Về an ninh kinh tế, phải giữ vững các cân đối vĩ mô; ngoài an ninh lương thực và an ninh năng lượng, cần tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài; phát huy cao nhất các nguồn lực để xây dựng nhanh kết cấu hạ tầng và phát huy có hiệu quả một số ngành và sản phẩm thiết yếu"².

An ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài là trạng thái thể hiện sự bảo đảm an toàn, ổn định và tính bền vững của các

khoản lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp, ngành, quốc gia hoặc khu vực khi thực hiện các giao dịch nhằm thu hút đầu tư nước ngoài. Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài để bảo đảm an ninh cần phải tuân thủ nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, bình đẳng, không có tình trạng thoái lui đầu tư ồ ạt làm sụt giảm khả năng vận hành của nền kinh tế, dẫn nền kinh tế đến tình trạng khủng hoảng. Nước sở tại phải duy trì được khả năng kiểm soát và điều hành nền kinh tế, bảo đảm được tính độc lập và tự chủ, rộng mở của nước sở tại trong hoạch định chính sách và thực hiện quy trình thu hút đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư trong nước có khả năng chi phối quá trình ra quyết định trong các dự án đầu tư nước ngoài và khả năng lũng đoạn của nhà đầu tư nước ngoài đối với nền kinh tế được giảm thiểu. Tình trạng cạnh tranh gay gắt để giành nơi đầu tư có lợi và triệt để khai thác các khoản lợi ích kinh tế có thể dẫn đến sự thay đổi quan hệ giữa các nhóm lợi ích và làm thay đổi tương quan quyền lực. Ở mức độ lớn hơn, điều này còn làm thay đổi cả các quan hệ chính trị trong nước. An ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài còn thể hiện ở mức độ giảm thiểu rủi ro trong đầu tư.

Tình hình khủng hoảng tài chính- tiền tệ châu Á diễn ra năm 1997 làm lung lay hệ thống an ninh tài chính- tiền tệ của một số nước châu Á. Xuất hiện tình trạng thoái lui đầu tư ồ ạt làm ảnh hưởng lớn đến cán cân thanh toán quốc tế. Trên thực tế, đã xuất hiện tình trạng quốc gia bị rơi vào khủng hoảng không chỉ về tài chính- tiền tệ mà tất cả các giao dịch kinh tế và sự rối loạn của cả hệ thống chính trị.

Cũng có quan niệm cực đoan về đầu tư nước ngoài là quan điểm của cực thủ

¹ Theo A. Maslow, nhu cầu cơ bản của con người ở cấp thấp nhất bao gồm như cầu ăn, mặc, ở... tiếp theo là nhu cầu an toàn về tính mạng và tài sản, cao hơn nữa là nhu cầu về quan hệ, nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu tự thể hiện.

² Đảng Cộng sản Việt Nam- Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X- Nhà xuất bản chính trị Quốc gia- Hà Nội - 2006. Trang 181

tướng Philippin (Mác- cốt) coi đầu tư nước ngoài là những cuộc xâm lăng về kinh tế. Với quan niệm này, việc thu hút đầu tư nước ngoài trở thành mối đe dọa an ninh của nước tiếp nhận và nước tiếp nhận trở thành thuộc địa của nước đi đầu tư. Đây vừa là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu, vừa là thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các nhà đầu tư nước ngoài.

An ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài chịu sự tác động của nhiều yếu tố như chính sách của chính phủ về thu hút đầu tư nước ngoài, khả năng cạnh tranh của nhà đầu tư, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, chiến lược của các nhà đầu tư nước ngoài, chính sách đầu tư của nước đi đầu tư, xu hướng đầu tư trên thế giới ...

An ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài có thể được xem xét ở một số khía cạnh nhất định. Các khía cạnh này bao gồm:

+ Quy định các lĩnh vực cấm đầu tư, hạn chế đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư hoặc quy định mức góp vốn trong các dự án quan trọng chỉ ở một tỷ lệ nhất định.

+ Tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội và thông thường phương châm được quán triệt là "vốn trong nước là quyết định, vốn nước ngoài là quan trọng".

+ Quy định cơ cấu nhân sự và nguyên tắc nhất trí của hội đồng quản trị. Nếu tổng giám đốc là người nước ngoài thì phó tổng giám đốc thứ nhất là người trong nước. Đây là việc quy định một cơ cấu điều hành và quyền lực lãnh đạo doanh nghiệp có sự chế ước song hoặc đa phương.

+ Quy định không quốc hữu hoá, trưng dụng, tịch thu hoặc sử dụng các biện pháp

hành chính để can thiệp vào hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài để tránh tình trạng rút vốn ô ạt của nhà đầu tư nước ngoài gây đổ bể dự án. Đồng thời, áp dụng nguyên tắc "không hồi tố" đối với trường hợp chính sách có sự thay đổi bất lợi cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp để bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài như tranh chấp được giải quyết công khai nếu các bên không tự giải quyết bằng thương lượng và hoà giải.

+ Các hiệp định song phương và đa phương được soạn thảo và ký kết về đầu tư nước ngoài để tạo ra sự bảo đảm quốc tế đối với hoạt động đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài. Nếu những mâu thuẫn và xung đột về lợi ích của các bên đối tác trong các dự án phát sinh không giải quyết được đòi hỏi sự tham gia của chính phủ các bên có liên quan.

+ Các cam kết về góp vốn bằng tài sản hữu hình và vô hình hoặc dịch vụ, quy định về thời hạn, quy định về việc tham gia các giao dịch trên thị trường chứng khoán... nhằm bảo đảm lợi ích thoả đáng cho các bên.

+ Các khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc khu kinh tế, khu kinh tế mở... là những địa điểm chịu sự chi phối rất lớn của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Thông qua hoạt động đầu tư nước ngoài, có thể các thông tin kinh tế xã hội cơ bản bị tiết lộ, nhà đầu tư có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng về thói quen, tập quán, nhận thức... Thậm chí có thể xuất hiện những vụ bạo động do các phần tử quá khích hoặc các thế lực phản động quốc tế lợi dụng việc nghiên cứu cơ hội đầu tư

nước ngoài để thực hiện “diễn biến hoà bình”, các chi nhánh của các công ty xuyên quốc gia tham gia sâu hơn vào công việc nội bộ về kinh tế như chi phối thị trường, chi phối quá trình hoạch định chính sách, lũng đoạn thị trường...

2. Vấn đề an ninh trong đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Kể từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1988, vấn đề thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã được chính thức thực hiện rộng rãi và trở thành một chủ trương lớn để thu hút vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài thay vì chỉ thực hiện Điều lệ đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1977 với sự hạn chế cả về tầm nhìn, nhận thức, quy mô và phạm vi thực hiện. Một trong những nguyên nhân của hạn chế này là do những điều kiện lịch sử của giai đoạn. Tuy nhiên, cũng có thể nhận định, Điều lệ đầu tư nước ngoài năm 1977 là một sự thử nghiệm hoặc là một sự thăm dò thái độ của các nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả thật rõ ràng, nhiều công ty và tập đoàn nước ngoài đặc biệt là các tập đoàn dầu khí đã đến Việt Nam. Tuy nhiên, do chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc diễn ra, các nhà đầu tư nước ngoài đã cảm thấy sự bất ổn về an ninh, thực hiện rút dự án và chuyển về nước tất cả các tài liệu, kết quả thăm dò dầu khí ở thêm lục địa Việt Nam. Trong giai đoạn này, Mỹ tiến hành cấm vận kinh tế Việt Nam. Sự nghiệp thu hút đầu tư nước ngoài của đất nước bị gián đoạn.

Luật đầu tư Việt Nam đã khẳng định nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền của nhà đầu tư nước ngoài và có cơ chế khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn,

tài sản và các khoản thu nhập hợp pháp khác vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật, bình đẳng và đôi bên cùng có lợi. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn lớn về hình thức, địa bàn lĩnh vực quy mô và thời hạn đầu tư (có thể lên tới 70 năm). Luật đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh nhiều lần (năm 1990, 1992, 1996, 2000 và 2005) để phù hợp với các cam kết và nguyên tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Trong đó, các quy định liên quan đến Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs) đã được đưa vào trong Luật đầu tư 2005. Các biện pháp bảo đảm an ninh trong đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam đã được áp dụng như quy định về hình thức đầu tư để quản lý và kiểm soát (hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn), sử dụng nguyên tắc nhất trí trong hội đồng quản trị, quy định mức góp vốn tối thiểu của bên Việt Nam trong các dự án lớn, quy định lĩnh vực cấm đầu tư, hạn chế đầu tư...

Kể từ khi bắt đầu thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1988 đến 6 tháng đầu năm 2008, vốn đầu tư nước ngoài mà chủ yếu là đầu tư trực tiếp tăng lên nhanh chóng, Đặc biệt, trong năm 2007- 1 năm sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, vốn đầu tư trực tiếp đăng ký đạt con số kỷ lục là 20,3 tỷ USD, trong đó vốn thực hiện đạt gần 30% vốn đăng ký. Khu vực đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong GDP. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 6,3% GDP giai đoạn 1991-1995, tăng lên 10,3% GDP trong 5 năm 1996-2000. Trong giai đoạn 2001-2005, tỷ trọng trên đạt trung bình là

14,6%. Trong năm 2005, khu vực đầu tư nước ngoài đóng góp khoảng 15,5% GDP. Trong hai năm 2006 và 2007 khu vực đầu tư nước ngoài đóng góp trên 17% GDP. Tỷ trọng ngày càng tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong GDP cũng đồng nghĩa với sự phụ thuộc ngày càng lớn của nền kinh tế Việt Nam vào vốn đầu tư và hoạt động quản lý của nước ngoài. Điều đó cho thấy khả năng chi phối của nhà đầu tư nước ngoài đến các hoạt động kinh tế trong nước tăng lên và thậm chí các nhà đầu tư nước ngoài còn chi phối đến cả quá trình hoạch định chính sách đầu tư như chính sách thuế, chính sách tuyển dụng lao động, xuất khẩu... Các chính sách này đều chịu ảnh hưởng của các ý kiến từ các nhà đầu tư nước ngoài thông qua các diễn đàn, hội nghị, hội thảo về đầu tư hoặc câu lạc bộ về đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được coi là một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế. Từ những yếu tố này có thể thấy tính chất phức tạp ngày càng tăng trong việc bảo đảm an ninh trong đầu tư nước ngoài cũng như tính phức tạp của việc thiết kế cơ chế bảo đảm an ninh trong đầu tư nước ngoài.

Về hình thức đầu tư, tính đến hết năm 2007, chủ yếu các dự án đầu tư nước ngoài thực hiện theo hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Đây là hình thức mà nhà đầu tư có quyền tự chủ cao nhất ngoại trừ những nghĩa vụ phải đóng góp cho nhà nước Việt Nam theo luật định. Theo hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài có 6.685 dự án với tổng vốn đăng ký 51,2 tỷ USD, chiếm 77,2% về số dự án và 61,6% tổng vốn đăng ký. Theo hình thức doanh nghiệp liên doanh có 1.619 dự án với tổng vốn đăng ký 23,8 tỷ USD, chiếm 18,8% về số dự án và 28,7% tổng vốn đăng

ký. Theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh có 221 dự án với tổng vốn đăng ký 4,5 tỷ USD chiếm 2,5% về số dự án và 5,5% tổng vốn đăng ký. Số còn lại thuộc các hình thức khác. Nếu so sánh tỷ trọng dự án hoạt động theo hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thì có thể thấy tính đến hết năm 2004 hình thức này là 39,9%, hình thức doanh nghiệp liên doanh là 40,6% và hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh là 19,5%. Như vậy, có thể thấy hình thức doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được các nhà đầu tư lựa chọn hơn rất nhiều so với các hình thức khác. Không còn bên Việt Nam trong các dự án 100% vốn nước ngoài cho nên vai trò "đối trọng" của bên Việt Nam về các quyết định kinh doanh hầu như không có tác dụng. Quyền tự chủ của các nhà đầu tư nước ngoài trong các dự án 100% vốn nước ngoài gần như được tối đa hoá. Theo Luật đầu tư năm 2005, hình thức đầu tư được mở rộng thêm và đa dạng hơn, một trong những hình thức đó là hình thức sáp nhập và mua lại (M&A). Nếu hình thức này phát triển, có khả năng hàng loạt doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh của Việt Nam sẽ được mua bán, chắc chắn sẽ có những chấn động nhất định trên thị trường đầu tư, thị trường lao động, sự thay đổi về quyền sở hữu tài sản từ các chủ sở hữu trong nước sang các nhà đầu tư nước ngoài... và khía cạnh an ninh kinh tế chắc chắn sẽ được đặt ra.

Vấn đề bảo hộ, bảo đảm và khuyến khích đầu tư cả trực tiếp và gián tiếp dựa trên nguyên tắc nhà đầu tư nước ngoài được bảo đảm lợi ích cả trước mắt và lâu dài. Chẳng hạn vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho nhà đầu tư nước ngoài đã được đưa vào Luật đầu tư năm 2005 là

yếu tố tăng cường an ninh trên lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng (Điều 6 Luật đầu tư 2005)...

Bên cạnh đó, Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại với Mỹ, Hiệp định tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư Việt-Nhật. Các Hiệp định này là những cam kết theo đúng thông lệ quốc tế trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Mỗi hiệp định đề cao đến một khía cạnh. Chẳng hạn, Hiệp định tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư Việt-Nhật chú ý nhiều đến việc bảo hộ tài sản của các nhà đầu tư Nhật Bản tại Việt Nam. Ngay trong khái niệm về đầu tư của Hiệp định, yếu tố bảo hộ tài sản cho nhà đầu tư Nhật Bản được thể hiện rất rõ³. Đây là một hiệp định có lợi rất nhiều cho các nhà đầu tư Nhật Bản khi các nhà đầu tư Nhật Bản đầu tư ngày càng lớn lượng tài sản vào Việt Nam.

Bên cạnh đó, chính sách đầu tư Việt Nam còn chịu sự chi phối rất lớn của các áp lực quốc tế như thiết lập đường dây nóng cho nhà đầu tư nước ngoài, sự hiện diện của các cơ quan thông tấn báo chí nước ngoài tại Việt Nam với tốc độ cập

nhật thông tin rất nhanh chóng, chính sách đầu tư phải điều chỉnh theo cam kết quốc tế, các biện pháp bảo hộ, bảo đảm và khuyến khích đối với nhà đầu tư nước ngoài đều hết sức rõ ràng và minh bạch, thủ tục đầu tư nước ngoài hết sức đơn giản cho nên các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động đầu tư ở Việt Nam dễ dàng và thuận lợi. Nhà đầu tư nước ngoài được phép lựa chọn và sử dụng các hình thức xét xử và cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích của mình. Có thể nói chủ quyền về an ninh quốc gia theo nghĩa truyền thống đang bị suy giảm do tác động của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Về vấn đề chuyển giao công nghệ, trong 20 năm thu hút đầu tư nước ngoài, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số hợp đồng chuyển giao công nghệ nước ngoài tại Việt Nam chỉ mới được ký kết khoảng 10 hợp đồng trong số khoảng 9000 dự án đầu tư vào Việt Nam. Nhiều bí quyết công nghệ bên Việt Nam vẫn chưa làm chủ được. Điều này có nghĩa là Việt Nam vẫn còn phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, năng lực nội sinh của công nghệ chưa được kiến tạo và phát huy.

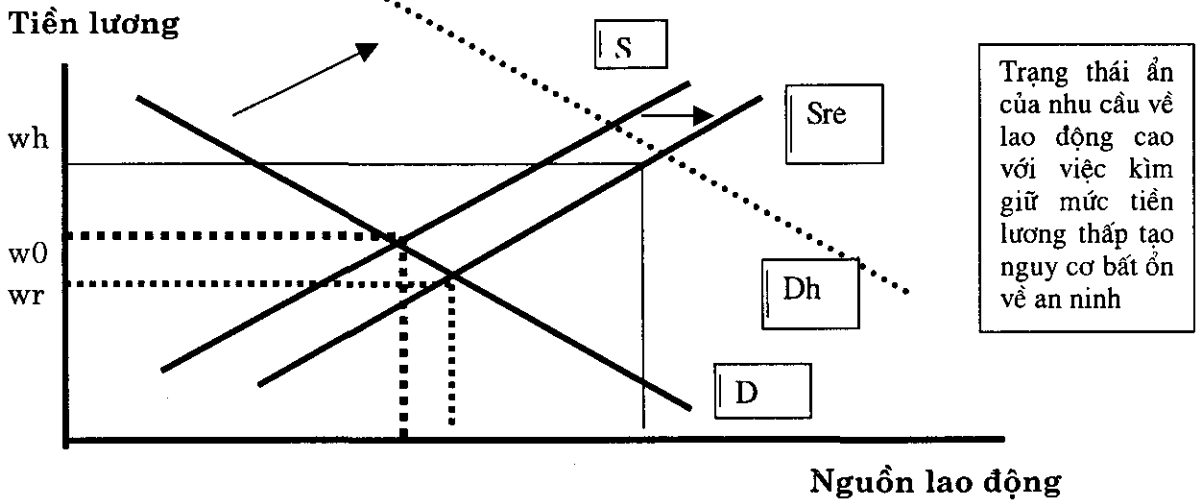
Trong thời gian gần đây, một loạt các vụ đình công trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do chế độ trả công thiếu thoả đáng khi tình hình giá cả sinh hoạt tăng lên nhanh chóng làm giảm thu nhập thực tế của công nhân, làm tăng tính chất “bần cùng” của người lao động. Điều này cho thấy tính chất phức tạp của an ninh về việc làm cho người lao động Việt Nam nếu giới chủ không đáp ứng thoả đáng quyền lợi chính đáng của họ. Đây là yếu tố vừa ngấm ngấm, vừa công khai, phản ánh mâu thuẫn giữa tư bản và lao

³ Điều 1: Thuật ngữ “đầu tư” có nghĩa là tất cả các loại tài sản được sở hữu hoặc quản lý trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một nhà đầu tư, bao gồm: một doanh nghiệp; cổ phần, cổ phiếu...; trái phiếu; các quyền theo hợp đồng; các quyền đòi tiền; các quyền sở hữu trí tuệ; các quyền tô nhượng; các tài sản hữu hình và vô hình, động sản và bất động sản và bất kỳ quyền tài sản cs liên quan; đầu tư bao gồm cả các khoản lợi tức phát sinh từ hoạt động đầu tư cụ thể là lợi nhuận, lãi suất, lãi cổ phần, cổ tức, tiền bản quyền và các loại phí.

động trong điều kiện hiện đại. Sự yếu kém của tổ chức công đoàn, sự kém hiểu biết của người lao động và cơ chế quản lý hiệu quả không cao gần như đang tiếp sức

thêm cho quyền lực và tính độc quyền của nhà đầu tư nước ngoài trước yêu cầu cao về việc làm và thu nhập của người lao động Việt Nam (xem hình 1).

Hình 1: Tình trạng an ninh về việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài



Theo hình 1, mức tiền lương ban đầu của người lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là w_0 thường theo đúng quy định của nhà nước. Tuy nhiên, do nhu cầu về lao động của nhà đầu tư tăng lên như nhu cầu lao động cho các dự án lớn chuyên sản xuất khối lượng lớn để khai thác lợi thế theo quy mô, sự gia tăng của giá sinh hoạt và theo đó mức tiền lương của người lao động phải ở mức w_h ; song nhu cầu này đã bị che khuất bởi sự xuất hiện một khối lượng lao động lớn hàng năm, tổ chức công đoàn không thể hiện vai trò bảo vệ quyền lợi cho người lao động, người lao động thiếu hiểu biết về pháp luật lao động cho nên giới chủ đã duy trì mức lương thực hiện là w_r , thấp hơn rất nhiều so với mức lương mà người lao động đáng lý được nhận. Hiện tượng nay thể hiện sự bán cùng hoá tương đối của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà cao

hơn là an ninh về việc làm, thu nhập của người lao động và gia đình họ đang chịu ảnh hưởng xấu.

Vấn đề bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài là một vấn đề hết sức phức tạp, chứa đựng nhiều mối quan hệ đan xen đa dạng, nhiều cấp độ, cần có phương pháp phân tích và nhìn nhận rạch ròi. Việc tăng tối đa các biện pháp bảo hộ và bảo đảm quyền kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam cũng đồng nghĩa với việc nhường một phần chủ quyền và an ninh cho nhà đầu tư nước ngoài. Điều này đòi hỏi phải có quan niệm mới về an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài cũng như cần có những giải pháp thích hợp, hữu hiệu và lâu dài.

3. Các giải pháp bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, xu hướng toàn cầu hoá kinh tế và tự do

hoá đầu tư đang có xu hướng gia tăng, chính sách đầu tư trong nước được coi trọng sửa đổi, hoàn thiện theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, nhiều cơ hội mở ra và đồng thời rất nhiều thách thức vừa ngấm ngấm vừa lộ rõ đang ảnh hưởng vừa tích cực và tiêu cực đến an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài. Bên cạnh việc bảo đảm an ninh cho nhà đầu tư nước ngoài, việc coi trọng bảo vệ an ninh quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người lao động... cần được quan tâm hữu hiệu. Việt Nam là một nước chủ yếu coi trọng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, việc chú trọng bảo vệ an ninh quốc gia, ngành, doanh nghiệp và người dân là hoàn toàn cần thiết.

Để bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài từ góc độ của nước tiếp nhận, cần áp dụng nhiều biện pháp khác nhau.

Thứ nhất. cần nâng cao nhận thức về an ninh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Khác với quan niệm truyền thống, an ninh được hiểu là sự độc lập hoàn toàn

trong quá trình hoạch định chính sách và thực hiện chính sách đầu tư nước ngoài. An ninh quốc tế ngày nay cần được hiểu là sự chế ước lẫn nhau giữa các lực lượng trong nền kinh tế toàn cầu. An ninh kinh tế đang ngày càng giữ vị trí trung tâm trong hệ thống an ninh quốc tế khi xu hướng hợp tác, sự phụ thuộc lẫn nhau và toàn cầu hoá kinh tế ngày càng nổi trội. An ninh là một khái niệm đa nghĩa, một quan niệm có tính chất “động” và đang ngày càng phản ánh khả năng tăng ảnh hưởng lẫn nhau, tăng tính chất đối trọng trong việc ra quyết định giữa chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài trong các giao dịch đầu tư nước ngoài. Do đó, việc thực hiện theo chiều rộng và chiều sâu chính sách đối ngoại hợp tác, rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá sẽ tạo cơ hội cho việc khai thác tác động nhiều chiều của các lực lượng khác nhau trong nền kinh tế toàn cầu, hình thành thế trận an ninh theo cách tiếp cận mới đặc biệt là cách tiếp cận chi phí- lợi ích và cần quán triệt nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, đôi bên cùng an toàn trong đầu tư. (xem bảng 1)

Bảng 1: Các lựa chọn đối với tình trạng an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài

		An ninh đối với nước nhận đầu tư	
		Tốt	Xấu
An ninh đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tốt	(1) Trạng thái các bên mong đợi	(2) Trạng thái nước tiếp nhận cải thiện môi trường thu hút đầu tư, hạn chế hoặc cấm đầu tư vào các lĩnh vực tổn hại đến an ninh quốc gia
	Xấu	(3) Trạng thái nhà đầu tư nước ngoài đầu tư hạn chế	(4) Trạng thái cả nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đều tìm cách hạn chế đầu tư và thu hút đầu tư

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Theo bảng 1, có hai khía cạnh phải xem xét đối với tình trạng an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài là an ninh đối với nhà đầu tư nước ngoài và an ninh đối với nước tiếp nhận đầu tư. Mỗi khía cạnh an ninh này có hai trạng thái là tốt và xấu. Ở ô số 1, đây là ô mà cả nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài đều bảo đảm về an ninh nghĩa là lợi ích các bên được đáp ứng, quan hệ đầu tư tiến triển theo chiều hướng tốt đẹp. Đây là trạng thái mà các bên đều mong đợi. Ở ô số 2, nước tiếp nhận đầu tư rơi vào tình trạng xấu về an ninh, lợi ích bị thua thiệt, nhà đầu tư chi phối lớn đến các chính sách, tính chất độc lập, tự chủ của thể chế bị suy giảm... Đây là trạng thái mà nước tiếp nhận có thể đưa ra các quy định về cấm hoặc hạn chế đầu tư để tránh rơi vào tình trạng mất chủ quyền và an ninh quốc gia. ở ô số 3, trạng thái xấu về an ninh đối với nhà đầu tư nước ngoài song tốt về an ninh đối với nước tiếp nhận. Trạng thái này dẫn nhà đầu tư nước ngoài đến tình trạng chần chừ, do dự hoặc thậm chí đầu tư hạn chế hoặc không đầu tư. Chẳng hạn, các rủi ro về chính trị (thay đổi chính quyền, bạo loạn lật đổ...), đầu tư vào các vùng tranh chấp, chính sách đang có chiều hướng thay đổi... Ở mức độ lớn hơn, nhà đầu tư có thể thoái lui đầu tư, rút vốn về nước. ở ô số 4, cả hai bên đều rơi vào tình trạng xấu về an ninh, do đó cả hai bên đều tìm cách hạn chế dòng đầu tư. Đối với nước tiếp nhận, có thể hạn chế thậm chí thực hiện cả việc cấm thu hút đầu tư nước ngoài. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, có thể tìm cách hạn chế hoặc thoái lui đầu tư. Đây là trạng thái không mong đợi của các bên. Việc thoái lui đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài làm tăng thêm sự trầm trọng của

tình trạng xấu về an ninh của nước tiếp nhận. Cả 4 trạng thái trên không phải được bộc lộ một cách rạch ròi mà chúng xen lẫn nhau, tác động qua lại với nhau.

Thứ hai, cần có cơ chế theo dõi, giám sát hợp lý hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài để giảm thiểu những tác động bất lợi của hoạt động thu hút đầu tư đến an ninh quốc gia. Cơ chế giám sát này cần bảo đảm nguyên tắc tôn trọng lợi ích và những quyền kinh doanh hợp pháp của nhà đầu tư, thiện chí hợp tác và làm ăn lâu dài và cần có chế độ cảnh báo sớm những thua thiệt về lợi ích quốc gia, lợi ích doanh nghiệp, lợi ích người lao động trong thu hút đầu tư nước ngoài để có đối sách thích hợp. Việc tiếp tục hoàn thiện chính sách đầu tư theo các cam kết của Việt Nam trong WTO cần cân nhắc các loại lợi ích của các đối tượng có liên quan trong đó có khía cạnh về an ninh.

Thứ ba, các chính sách, quy định ban hành trong thu hút đầu tư nước ngoài cần tính đến lợi ích về an ninh lâu dài của bên Việt Nam, tránh làm tổn hại về an ninh của quốc gia, ngành, doanh nghiệp, người lao động. Cách hiểu an ninh cần toàn diện và các biện pháp áp dụng càng mềm dẻo và sâu sắc hơn. Đặc biệt, cần có giải pháp thích hợp để bảo đảm an ninh cho doanh nghiệp và người lao động khi xuất hiện làn sóng sáp nhập và mua lại doanh nghiệp ở Việt Nam có khả năng bùng phát trong thời gian tới. Chính sách an sinh xã hội, cơ chế bảo hiểm đầu tư, chính sách trợ cấp việc làm, trợ cấp thất nghiệp... cần được hoàn thiện để phù hợp với những biến động mới của thị trường đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, cần đào tạo nguồn nhân lực mà đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm việc trực tiếp trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài để đội ngũ này trở thành lực lượng quan sát hữu hiệu hoạt động nhà đầu tư nước ngoài để một mặt, học tập cách thức lãnh đạo, điều hành hoạt động doanh nghiệp; mặt khác, có những đối sách phù hợp để đấu tranh bảo vệ an ninh việc làm cho người lao động, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và phát triển quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững trong thu hút đầu tư nước ngoài. Nghĩa là cả các khía cạnh hợp tác và đấu tranh cần được hiểu biết sâu sắc và được "thẩm thấu" trong đội ngũ cán bộ và được khai thác một cách hợp lý nhất.

Thứ năm, cần phát triển học thuyết về xây dựng thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế làm sao cho mỗi người dân trở thành một chiến sỹ an ninh đáng tin cậy, mỗi doanh nghiệp,

tập đoàn kinh tế là một trụ cột về an ninh kinh tế...và gắn với các tác động quốc tế. Học thuyết này cần lấy nền tảng là lực lượng quần chúng nhân dân gắn với việc xây dựng lực lượng an ninh tinh nhuệ và chuyên nghiệp, khai thác triển để cơ hội và sự tương tác lẫn nhau giữa các lực lượng an ninh quốc tế và giảm thiểu tối đa những thách thức về an ninh trong đầu tư nước ngoài. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chiến lược an ninh nhân dân cho mỗi người dân, từng người lao động làm việc trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, các cán bộ quản lý nhà nước, các doanh nhân... Tạo được sự đồng thuận cao trong mọi tầng lớp nhân dân về ý thức vào về an ninh, lợi ích đất nước, dân tộc, doanh nghiệp, tập đoàn, con người... trong điều kiện hội nhập và đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

1. J.H. Adam, *Longman Concise Dictionary of Business English*- 1992
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư; *20 năm đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. *Luật đầu tư năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành*
5. Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại
6. Hiệp định tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư Việt Nam- Nhật Bản